

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN

---***---

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

K, ngày 28 tháng 7 năm 2020.

Số: 135/2020/QĐST - HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 147/2020/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa:

***/ Nguyên đơn:** - Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2000;
Đăng ký HKTT: Thôn 3, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
Hiện trú tại: Đội 4, xã B, huyện G, tỉnh Nam Định.

***/ Bị đơn:** - Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993;
Đăng ký HKTT và trú tại: Thôn 3, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

***/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Cháu Nguyễn Anh A, sinh ngày 05/12/2018.
Đăng ký HKTT: Thôn 3, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
Hiện trú tại: Đội 4, xã B, huyện G, tỉnh Nam Định.

Giám hộ cho cháu A là chị Nguyễn Thị T – Mẹ đẻ của cháu.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2015; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 15 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 20/7/2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Đ.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***/ Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Anh A, sinh ngày 05/12/2018 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu A trưởng thành (đủ 18 tuổi).

***/ Về việc cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị T và anh Đ đều thống nhất thỏa thuận: Kể từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu Nguyễn Anh A, sinh ngày 05/12/2018 trưởng thành (đủ 18 tuổi) thì mỗi tháng anh Đ phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị T là 1.000.000đ/01 tháng (Một triệu đồng trên một tháng).

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật và chị T có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu anh Đ chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án và khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nói trên thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn anh Đ được quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

***/ Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:** Chị T và anh Đ khẳng định không có gì liên quan nên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

***/ Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí LHST và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung và được anh Nguyễn Văn Đ nhất trí. Đồi trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0002271 ngày 26/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nên việc nộp án phí đã xong

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HY;
- Đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hương